



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
THỦY SẢN MINH PHÚ  
**MINH PHU SEAFOOD CORP.,**

Số/No: 05/NQ-MPC26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
*Independence - Freedom - Happiness*

\*\*\*\*\*

Tp. HCM, ngày 23 tháng 07 năm 2026  
HCMC, July 23<sup>rd</sup>, 2026

## NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ **RESOLUTION**

### **OF THE BOARD OF DIRECTORS OF MINH PHU SEAFOOD CORPORATION**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực ngày 01/01/2021  
*Pursuant to the Law on Enterprises 2020 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on June 17, 2020 and effective from January 1st, 2021;*
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú;  
*Pursuant to the Charter on organization and operation of Minh Phu Seafood Corporation;*
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 05/BB-MPC26 ngày 23/07/2026;  
*Pursuant to the Minutes of the Meeting of the Board of Directors No. 05/BB-MPC26 dated July 23, 2026.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú nhất trí thông qua các nội dung sau:

*The Board of Directors of Minh Phu Seafood Corporation hereby unanimously resolves to approve the following matters:*

**ĐIỀU 1: Phê duyệt các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (Công ty) và Người có liên quan của Công ty, chi tiết như sau:**

**ARTICLE 1: Approval of contracts and transactions between Minh Phu Seafood Joint Stock Company (the Company) and its Related Persons, as detailed below:**

- Chủ thể ký kết: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú với người có liên quan được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020.

*Parties: Minh Phu Seafood Joint Stock Company and its Related Persons as defined in Clause 1, Article 167 of the 2020 Law on Enterprises.*

- Giá trị giao dịch: giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính riêng gần nhất. [Căn cứ Khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020]

*Transaction value: The aggregate value of transactions arising within a period of 12 months from the date of the first transaction is less than 35% of the total assets recorded in the most recent separate financial statements of the Company. [Pursuant to Clause 2 Article 167 of the 2020 Law on Enterprises].*

- Thời gian giao dịch: trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2026

*Transaction time: in the period from the date of 01/01/2026 to 31/12/2026.*



- Nội dung giao dịch: mua/bán thành phẩm, mua/bán nguyên vật liệu, mua/bán tài sản cố định, cổ tức, góp vốn, giao dịch vay/cho vay, các giao dịch khác,...chi tiết như phụ lục đính kèm.

*Scope of Transactions: Transactions may include the purchase and sale of finished goods, purchase and sale of raw materials, purchase and sale of fixed assets, dividend payments, capital contributions, borrowing and lending transactions and other related transactions,..., as attached Appendix.*

**ĐIỀU 2.** Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền thực hiện đàm phán, ký kết, giao dịch với các bên có liên quan theo quy định pháp luật đảm bảo lợi ích của Công ty và các điều khoản của giao dịch không bất lợi hơn các điều khoản tương tự được quy định với các đối tác độc lập khác.

*ARTICLE 2: The BOD assigns the General Director or the person authorized by the General Director to negotiate, sign and transact with relevant parties in accordance with the law, in the best interests of the Company and not less favorable than similar conditions established for other parties.*

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*This Resolution shall take effect from the date of signing.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*On behalf of the Board of Directors*

  
**CHU THỊ BÌNH**

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY**  
**VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY;**

**APPENDIX**

*LIST OF TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY  
AND ITS RELATED PERSONS*

| STT        | Tên tổ chức/cá nhân                          | Mối quan hệ liên quan với công ty    | Số Giấy NSH*   | Nội dung giao dịch                                                                                                                                                                    |
|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>No.</i> | <i>Name of organization/individual</i>       | <i>Relationship with the company</i> | <i>NSH no.</i> | <i>Description of transaction</i>                                                                                                                                                     |
| 1          | CTCP Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang             | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 6300033769     | Mua bán thành phẩm, Mua bán nguyên vật liệu; cổ tức,...<br><i>Sales of finished goods, raw materials; dividend payment;</i>                                                           |
| 2          | Cty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 2000369633     | Mua bán thành phẩm, Mua bán nguyên vật liệu; Mau bán tài sản, Thuê nhà xưởng, kho bãi,...<br><i>Sales of finished goods, raw materials; assets, renting factories, warehouses,...</i> |
| 3          | Cty TNHH Chế biến Thủy Sản Minh Quý          | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 2000337293     | Mua bán thành phẩm, Mua bán nguyên vật liệu; Thuê nhà xưởng,...<br><i>Sales of finished goods, raw materials; renting factories,...</i>                                               |
| 4          | Cty TNHH SXG Thủy Sản Minh Phú               | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 4500249560     | Mua bán dịch vụ, thành phẩm<br><i>Sales of services; Sales of finished goods;</i>                                                                                                     |
| 5          | Cty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 3501729783     | Mua bán tôm nguyên liệu, cho vay,...<br><i>Sales of raw shrimps, lending,</i>                                                                                                         |
| 6          | Cty TNHH Thủy Hải Sản Minh Phú Kiên Giang    | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 1700489532     | Mua bán tôm nguyên liệu, cho vay,...<br><i>Sales of raw shrimps, lending,</i>                                                                                                         |
| 7          | Cty TNHH MTV Chuối Cung Ứng TS Minh Phú      | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 6300249616     | Mua bán tôm nguyên liệu,...<br><i>Sales of raw shrimps, ...</i>                                                                                                                       |
| 8          | Cty TNHH XK Thủy Sản Minh Phú                | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 2001332971     | Cho thuê tài sản, phí dịch vụ bán hàng,...<br><i>Property rental, sales service fees, ...</i>                                                                                         |
| 9          | Cty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú             | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>    | 6300272929     | Mua bán thành phẩm,...<br><i>Sales of finished goods,...</i>                                                                                                                          |

|    |                                                                   |                                                                                                                               |             |                                                                                                                              |
|----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Cty TNHH Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Minh Phú                       | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 1702142695  | Góp vốn.<br><i>Capital contribution.</i>                                                                                     |
| 11 | Cty TNHH Xã Hội Tôm Chứng nhận Minh Phú                           | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 2001262026  | Mua tôm nguyên liệu, phí tôm chứng nhận, cổ tức,...<br><i>Sales of raw shrimps, shrimp certification fees, dividends,...</i> |
| 12 | Cty TNHH SX Chế phẩm sinh học Minh Phú                            | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 2000502476  | Góp vốn.<br><i>Capital contribution.</i>                                                                                     |
| 13 | Cty TNHH Thức Ăn Tôm Xanh Minh Phú                                | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 6300108975  | Cổ tức;<br><i>Dividend payment;</i>                                                                                          |
| 14 | Cty CP Công nghệ Otanics                                          | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 2001337320  | Mua bán tôm nguyên liệu, cho vay,...<br><i>Sales of raw shrimps, lending,...</i>                                             |
| 15 | MSEAFOOD                                                          | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 2264/GP     | Mua bán thành phẩm;<br><i>Sales of finished goods;</i>                                                                       |
| 16 | EBISUMO LOGISTICS                                                 | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 201500024   | Mua bán thành phẩm;<br><i>Sales of finished goods;</i>                                                                       |
| 17 | MP SEAFOOD AUSTRALIA                                              | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 47691183534 | Mua bán thành phẩm;<br><i>Sales of finished goods;</i>                                                                       |
| 18 | MP SEAFOOD CANADA                                                 | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                                                             | 777097833   | Góp vốn.<br><i>Capital contribution.</i>                                                                                     |
| 19 | CTCP Mekong Logistics                                             | Công ty liên kết/<br><i>Affiliated company</i>                                                                                | 6300263071  | Chi phí lưu kho và vận chuyển;<br><i>Storage and shipping costs;</i>                                                         |
| 20 | Cty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Nuôi Trồng Thủy Sản Minh Phú Aquamekong | Công ty liên kết/<br><i>Affiliated company</i>                                                                                | 0312398643  | Phí dịch vụ;<br><i>Service fees</i>                                                                                          |
| 21 | CTCP Đầu tư Long Phụng                                            | Bên có liên quan của ông Lê Văn Quang và bà Chu Thị Bình/<br><i>Related parties of Mr. Le Van Quang and Mrs. Chu Thi Binh</i> | 0306287141  | Cho thuê văn phòng;<br><i>Office lease</i>                                                                                   |
| 22 | CTCP Việt Nam Food (VNF)                                          | Bên có liên quan của ông Phan Thanh Lộc/<br><i>Related parties of Mr. Phan Thanh Loc</i>                                      | 2001115328  | Bán phụ phẩm;<br><i>Sales of by-product</i>                                                                                  |

|    |                               |                                           |              |                                    |
|----|-------------------------------|-------------------------------------------|--------------|------------------------------------|
| 23 | MPM<br>INVESTMENTS<br>PTE.LTD | Cổ đông lớn/ <i>Major<br/>Shareholder</i> | CC0436       | Cổ tức;<br><i>Dividend payment</i> |
| 24 | Lê Văn Quang                  | Cổ đông lớn/ <i>Major<br/>Shareholder</i> | 022058000698 | Cổ tức;<br><i>Dividend payment</i> |
| 25 | Chu Thị Bình                  | Cổ đông lớn/ <i>Major<br/>Shareholder</i> | 034163005132 | Cổ tức;<br><i>Dividend payment</i> |

